

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/LĐ-ST
Ngày: 29-8-2025
V/v Tranh chấp về tiền lương

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Lương Quân
- Bà Đàm Thị Hồng Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Sương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 99/2024/TLST-LĐ ngày 02/12/2024 về việc “Tranh chấp về tiền lương” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2/2025/QĐXXST-LĐ ngày 07/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐST-LĐ ngày 08/8/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1999; Căn cước công dân số: 077099005896 cấp ngày 18/6/2024; Địa chỉ: Chung cư C, I P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần T1; Mã số doanh nghiệp: 0315360694, địa chỉ: F N, Phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Vũ Thành L, sinh năm 1981; Căn cước công dân số 019081005555 cấp ngày 18/8/2022; địa chỉ cư trú: 2 C, phường G, tỉnh Thái Nguyên; địa chỉ liên hệ: P3-22.08, Vinhomes C, G Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo pháp luật – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại Đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2024 và Bản khai đề ngày 26/5/2025, nguyên đơn ông Nguyễn Duy T trình bày:

Nguyên đơn bắt đầu làm việc tại Công ty Cổ phần T1 (Sau đây gọi là Công ty T1) từ ngày 01/12/2023 với vị trí Thiết kế, thời gian thử việc là hai tháng, từ ngày 01/12/2023, với mức lương thử việc là 85% của mức lương chính thức, mức lương chính thức được thông báo là 10.000.000 đồng mỗi tháng.

Sau giai đoạn thử việc, nguyên đơn tiếp tục làm việc tại Công ty cho đến cuối tháng 3 năm 2024 thì Công ty chuyển địa điểm làm việc sang tầng 7, Tòa nhà M, số I Y, phường B, quận T (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Vào ngày 26 tháng 5 năm 2024, nguyên đơn gửi email thông báo nghỉ việc cho Công ty. Sau thời điểm này, nguyên đơn được biết Công ty tiếp tục chuyển địa điểm làm việc mới khu dân cư V, đường N, phường B, quận B (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Việc liên tục thay đổi địa điểm làm việc không được thông báo rõ ràng và ảnh hưởng đến quá trình làm việc của người lao động.

Dù nguyên đơn đã hoàn tất việc bàn giao công việc theo đơn xin nghỉ việc ngày 26 tháng 5 năm 2024, Công ty vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền lương cho nguyên đơn. Ngoài ra, từ tháng 02 đến tháng 5 năm 2024, Công ty không thực hiện việc đóng bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Mặc dù nhiều lần nguyên đơn liên hệ yêu cầu thanh toán lương và thực hiện nghĩa vụ bảo hiểm, Tổng Giám đốc Công ty là ông Vũ Thành L chỉ hứa hẹn suông mà không có bất kỳ hành động cụ thể nào. Đến thời điểm hiện tại, nguyên đơn vẫn chưa nhận được khoản thanh toán nào từ Công ty, cũng như không có thông báo chính thức hay lý do về việc chậm trễ trả lương và đóng bảo hiểm. Việc Công ty không thanh toán lương, không đóng bảo hiểm và không có thông báo chính thức đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống cá nhân và quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn.

Vì những lý do trên, nguyên đơn khởi kiện Công ty T1 yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc bị đơn thanh toán đầy đủ các khoản tiền lương còn nợ của tháng 4 và tháng 5 năm 2024 với tổng số tiền là 20.000.000 đồng (Trong đó, lương tháng 4/2024 là 10.000.000 đồng; L1 tháng 5/2024 là 10.000.000 đồng).

- Buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ tham gia bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn trong khoảng thời gian từ tháng 2 đến tháng 5 năm 2024 theo đúng quy định pháp luật.

Ngày 19/8/2025, nguyên đơn có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu: “*Buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ tham gia bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn trong khoảng thời gian từ tháng 2 đến tháng 5 năm 2024 theo đúng quy định pháp luật*”.

2. Bị đơn - Công ty Cổ phần T1 tặng số Egiftbox và người đại diện theo pháp luật của Công ty ông Vũ Thành L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo cho Tòa án.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ đầy đủ, thủ tục cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn giao nộp, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với yêu cầu khởi kiện về bảo hiểm xã hội nguyên đã rút yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về tiền lương với bị đơn là Công ty Cổ phần T1 có trụ sở tại số S N, Phường S, Thành phố Hồ Chí Minh (Trước đây là 68 N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh). Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án tranh chấp tiền lương thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về điều kiện khởi kiện:* Xét tranh chấp lao động giữa cá nhân người lao động và người sử dụng lao động về trường hợp tranh chấp tiền lương, thuộc trường hợp phải qua thủ tục hòa giải theo quy định tại Điều 188 Bộ luật Lao động năm 2019. Ngày 12/9/2024, ông Nguyễn Duy T đã qua thủ tục hòa giải của Hòa giải

viên lao động mà hòa giải không thành. Ngày 01/10/2024, ông T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận 1 (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 1) là đủ điều kiện khởi kiện.

[3] Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Ngày 19/8/2025, nguyên đơn có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu: *“Buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ tham gia bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn trong khoảng thời gian từ tháng 2 đến tháng 5 năm 2024 theo đúng quy định pháp luật”*. Xét, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn

Về áp dụng pháp luật nội dung:

[5] Công ty T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt và không cung cấp, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bằng văn bản theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp đã được công bố tại phiên tòa trên nguyên tắc có lợi cho người lao động làm căn cứ giải quyết yêu cầu của nguyên đơn, gồm: Thư mời nhận việc số EGB-NS-41-12 năm 2023 (Được in từ [egiftbox.vn](mailto:contact@egiftbox.vn) – contact@egiftbox.vn); email trao đổi qua lại giữa: Phan Tran Anh V “hr1@egiftbox.vn”, “son.do@egiftbox.vn” “linh.vu@egiftbox.vn” và Tân N “ditaan.work@gmail.com”; Sao kê chuyển khoản trả tiền lương từ tháng 01/2024 đến tháng 4/2024 từ tài khoản của ông T tại V1. Căn cứ Điều 10, Điều 16 của Luật Giao dịch điện tử năm 2005, khoản 1 Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì thông điệp dữ liệu được thể hiện dưới hình thức trao đổi dữ liệu thư điện tử (email) có giá trị làm chứng cứ, xác định hai bên có xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 13 Bộ luật lao động, quyền và nghĩa vụ của các bên phát sinh được giải quyết theo quy định của pháp luật lao động.

[6] Theo nguyên đơn trình bày, nguyên đơn làm việc cho Công ty T1 từ ngày 01/12/2023 với vị trí nhân viên thiết kế, mức lương chính thức thỏa thuận là

10.000.000 đồng/tháng, lương thử việc 85% lương chính thức. Sau thời gian thử việc, Công ty T1 không ký hợp đồng lao động bằng văn bản với nguyên đơn nhưng vẫn tiếp tục sử dụng lao động và trả lương cho nguyên đơn theo các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp từ email và thông qua tài khoản của nguyên đơn tại Ngân hàng V1, tài khoản số 0081001298...., với nội dung “*EGB thanh toán lương*”. Từ các chứng cứ nêu trên và lời trình bày của nguyên đơn, xác định Công ty T1 đã thanh toán tiền lương cho nguyên đơn đến hết tháng 03/2024 thì ngưng thanh toán (Ngày 13/4/2024 thanh toán lương tháng 3).

[7] Nguyên đơn làm việc đến tháng 5/2024 mà không được thanh toán tiền lương nên ngày 26/5/2024, nguyên đơn gửi đơn xin thôi việc cho Công ty T2.work@gmail.com đến email linh.vu@egiftbox.vnson.do@egiftbox.vn và được chấp thuận nghỉ việc từ ngày 31/5/2024. Như vậy, hai bên đã chấm dứt hợp đồng lao động từ ngày 31/5/2024 theo quy định tại khoản 3 Điều 34 Bộ luật Lao động.

[8] Căn cứ sao kê tài khoản ngân hàng do nguyên đơn cung cấp, có cơ sở xác định bị đơn đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền lương cho nguyên đơn tháng 4 và tháng 5 năm 2024, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 94 Bộ luật Lao động năm 2019 “*1. Người sử dụng lao động phải trả lương trực tiếp, đầy đủ, đúng hạn cho người lao động.*”, tiền lương còn nợ của tháng 4 và tháng 5/2024 là 20.000.000 đồng. Từ những phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với thỏa thuận giữa các bên và quy định của pháp luật, nên có cơ sở chấp nhận.

[9] Về án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn nộp án phí lao động sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là 20.000.000 đồng. Án phí lao động sơ thẩm là 600.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 90, 94, 95 Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy T

Buộc Công ty Cổ phần T1 tặng số Egiftbox thanh toán tiền lương tháng 4 và tháng 5 năm 2024, tổng cộng là 20.000.000 đồng cho ông Nguyễn Duy T ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy T về việc “Buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ tham gia bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn trong khoảng thời gian từ tháng 2 đến tháng 5 năm 2024 theo đúng quy định pháp luật”.

3. Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty Cổ phần T1 tặng số Egiftbox phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 600.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Ông Nguyễn Duy T, Công ty Cổ phần T1 tặng số Egiftbox vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 1 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADSKV1 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ việc.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phụng